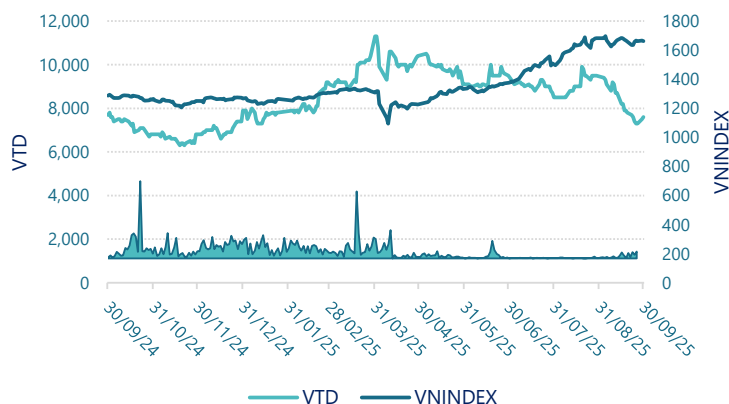


CTCP Vietourist Holdings (UPCOM: VTD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	7,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
SL cổ phiếu LH	24,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	406,335
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	182
P/E	-33.2
EPS	-229

DT thuần

Q3/25

34.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.8| -44.6%

YoY: ▼19.5| -36.1%

LN sau thuế

Q3/25

1.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.09| 6.4%

YoY: ▼0.52| -26.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.4%

+/- YoY: ▲3.3%

DT thuần

9T 2025

113

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0| -11.3%

LN sau thuế

9T 2025

3.39

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.25| -6.7%

ROE

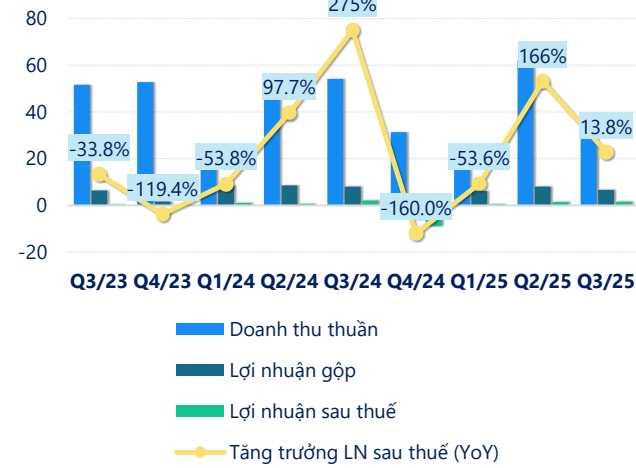
Q3/25

-2.6%

+/- YoY: ▼4.9%

tỷ VNĐ

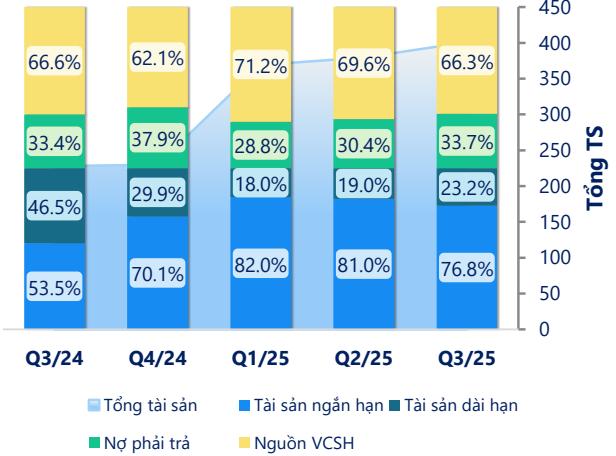
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

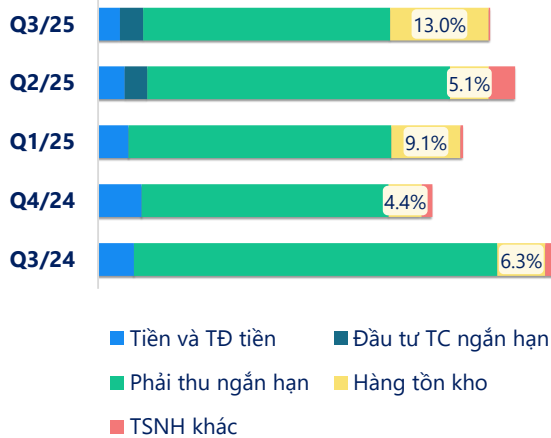
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



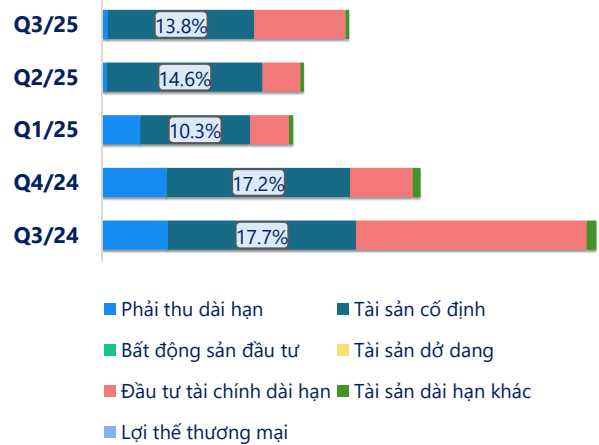
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

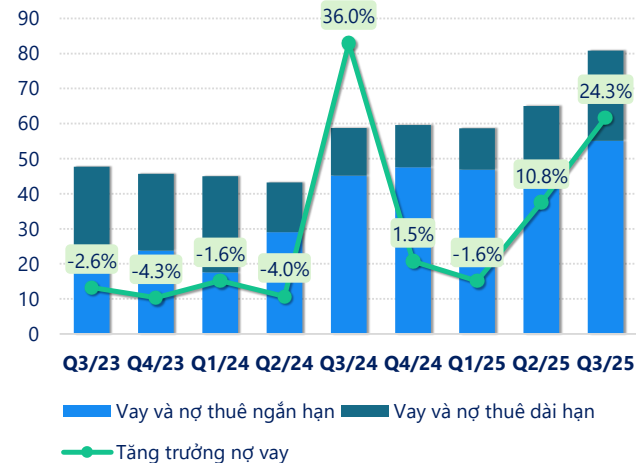
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

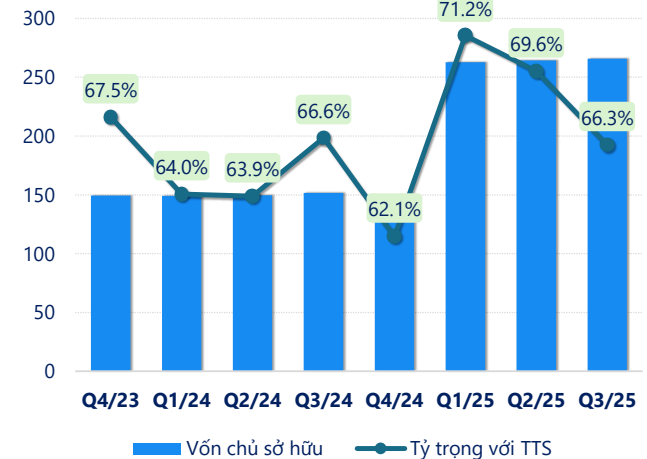
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

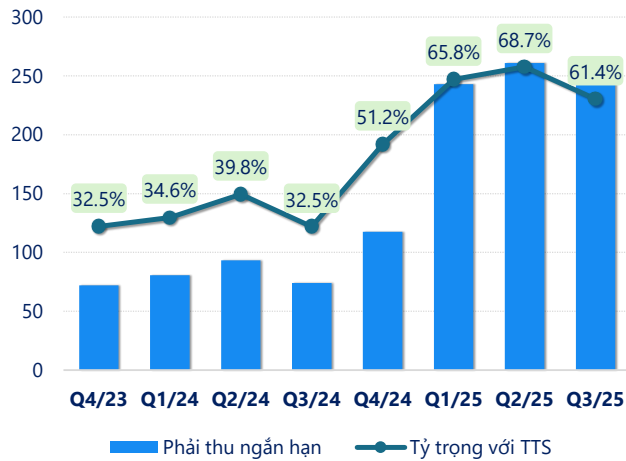
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



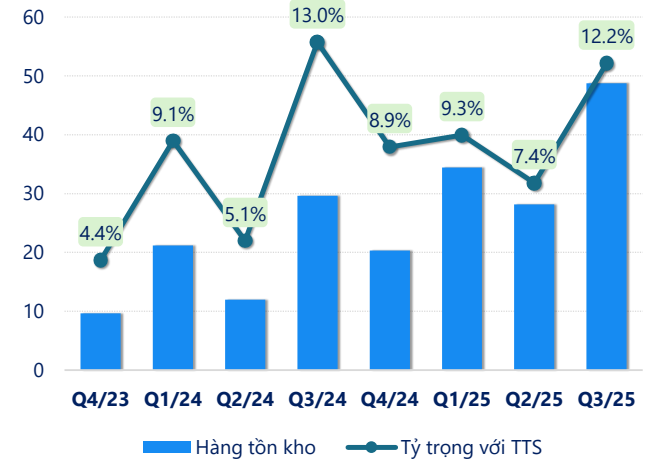
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


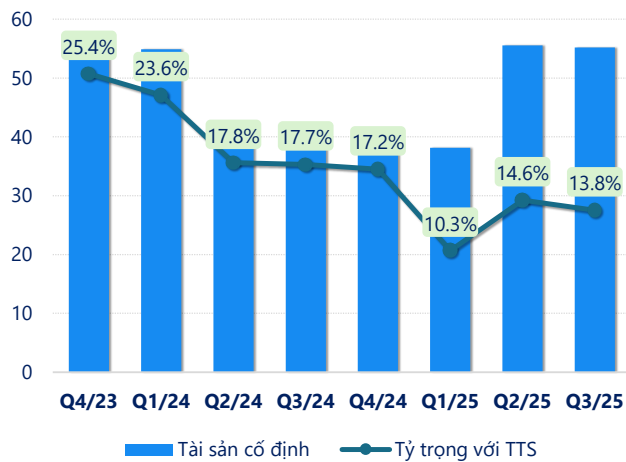
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


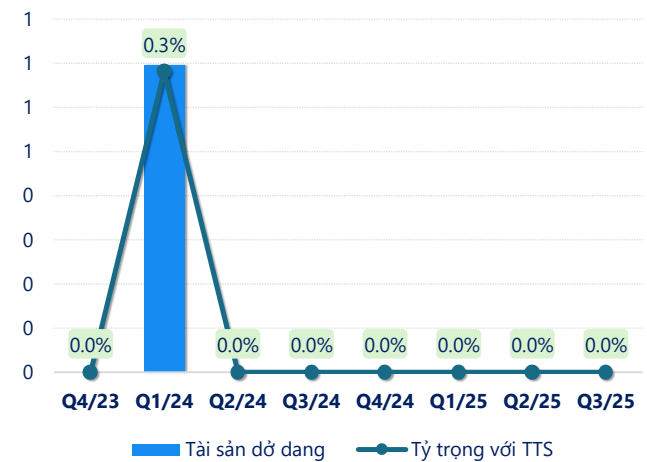
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

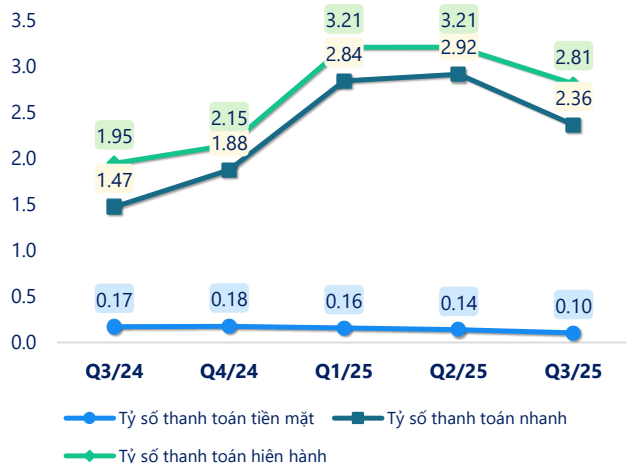
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

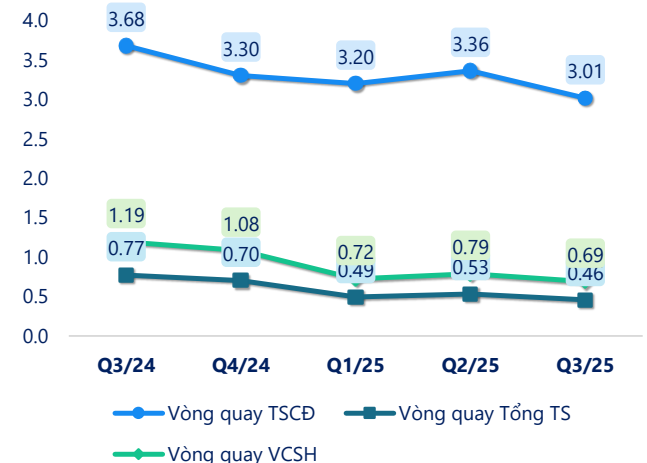
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	228	230	369	380	401
Tài sản ngắn hạn	122	161	303	308	308
Tiền và tương đương tiền	10.7	13.2	14.8	13.3	11.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.00	7.70	7.75	4.00	0.70
Phải thu ngắn hạn	74.0	118	243	261	246
Hàng tồn kho	29.6	20.3	34.4	28.2	48.8
Tài sản ngắn hạn khác	0.44	2.18	2.69	1.20	0.68
Tài sản dài hạn	106	68.8	66.4	72.1	93.2
Phải thu dài hạn	14.1	14.0	13.2	1.80	2.25
Tài sản cố định	40.2	39.6	38.2	55.5	55.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	49.4	13.5	13.5	13.5	34.4
Tài sản dài hạn khác	2.10	1.65	1.47	1.28	1.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	76.1	87.1	106	115	135
Nợ ngắn hạn	62.6	75.0	94.4	95.8	110
Vay và nợ thuê ngắn hạn	45.2	47.5	46.8	45.4	55.1
Phải trả người bán ngắn hạn	13.3	17.8	18.1	22.0	20.1
Nợ dài hạn	13.5	12.1	11.8	19.6	25.7
Vay và nợ thuê dài hạn	13.5	12.1	11.8	19.6	25.7
Nguồn vốn chủ sở hữu	152	143	263	264	266
Vốn chủ sở hữu	152	143	263	264	266
Vốn điều lệ	120	120	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)